TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11-02-2026
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trạng;

2. Ông Bùi Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Định - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 428/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Tuyết N, sinh năm 1975.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: ấp G, xã H, tỉnh Đồng Tháp (Trước là ấp G, xã B, huyện T1, tỉnh Đồng Tháp).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Nguyên đơn trình bày:* Vào năm 1995 bà và ông Đỗ Văn T có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T1, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Đồng Tháp). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên sau đó thì vợ chồng xãy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi và đã ly thân từ năm 2020 cho tới nay. Từ khi

ly thân tới nay thì 02 bên cũng không thể hàn gắn tình cảm. Năm 2021 bà đã nộp đơn ly hôn một lần tại Tòa án, nhưng Tòa án hòa giải bà cho ông T thêm cơ hội sửa sai nên rút đơn kiện về, nhưng ông Trà vẫn không sửa được. Nay bà không còn tình cảm gì đối với ông T nữa, nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Văn T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Đỗ Hoàng V, sinh ngày 11/7/1996 và Đỗ Hoàng K, sinh ngày 20/10/2000, các con chung đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

** Bị đơn xin vắng mặt và có văn bản ý kiến trình bày:* Ông thống nhất ly hôn với bà Lâm Tuyết N, vì hôn nhân không đạt được mục đích, cả hai ly thân lâu rồi. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về con chung: Có 02 con chung tên là Đỗ Hoàng V, sinh ngày 11/7/1996 và Đỗ Hoàng K, sinh ngày 20/10/2000, các con chung đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ, chứng cứ đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Ly hôn". Bị đơn ông Đỗ Văn T có địa chỉ cư trú tại ấp G, xã H, tỉnh Đồng Tháp, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Đồng Tháp, được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:*

- Về hôn nhân: Xét thấy, bà Lâm Tuyết N và ông Đỗ Văn T có sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 04/10/2002 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Đồng Tháp), nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp. Nay bà N khởi kiện xin ly hôn với ông T, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của hai bên đương sự thì mối quan hệ hôn nhân của hai bên không đạt được mục đích và cả hai cũng ly thân với nhau, ông T cũng thống nhất ly hôn với bà N và ông không đến tham gia phiên hòa giải của Tòa án. Trước đó vào năm 2021 thì bà N cũng một lần khởi kiện xin ly hôn với ông T, nhưng sau đó bà rút đơn khởi kiện để cho ông T thêm cơ hội và Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp ra quyết định đình chỉ giải quyết số 70/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2021, nhưng do ông T không sửa chữa lỗi lầm nên nay bà tiếp tục khởi kiện xin ly hôn.

Từ những phân tích trên xét thấy giữa bà N và ông T không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà N.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Đỗ Hoàng V, sinh ngày 11/7/1996 và Đỗ Hoàng K, sinh ngày 20/10/2000, các con chung đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được. Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở để chấp nhận như phân tích ở trên.

[4] Xét về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà Nga phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Tuyết N.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lâm Tuyết N và ông Đỗ Văn T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Đỗ Hoàng V, sinh ngày 11/7/1996 và Đỗ Hoàng K, sinh ngày 20/10/2000, các con chung đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Tuyết N phải chịu 300.000đ. Tiền án phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0007868 ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 12 – Đồng Tháp;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Hồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Huỳnh Anh